TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 359/2020/KDTM-PT
Ngày: 19/5/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Bích Thảo
Bà Vũ Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLPT- KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 2299/2019/KDTM-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2050/2020/QĐ - PT ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q
Địa chỉ: 21 đường C, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội;
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978, địa chỉ: Lầu 5, số 538 đường C, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 30/01/2018.

Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ trang trí nội thất P.
Địa chỉ: 213 đường B, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Anh Đ, sinh năm 1988, địa chỉ: T2 – 17, khu dân cư cao cấp M, 35/12 đường B, phường T , Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2020.

Người kháng cáo: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ trang trí nội thất P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Tại Đơn khởi kiện ngày 09/02/2018, Đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện ngày 03/01/2019 của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q (sau đây viết tắt là Ngân hàng Q) và lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 15/4/2015, Ngân hàng Q (Chi nhánh Đ) và Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ trang trí nội thất P (sau đây viết tắt là Công ty P) đã ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số 24.15.282.2142589.TD với với nội dung như sau:

- Số tiền vay: 3.500.000.000đồng.
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ván sàn gỗ.
- Thời hạn vay: 09 tháng.
- Phương thức cho vay: Cho vay theo món ngắn hạn.
- Lãi suất cố định: Quy định tại văn bản nhận nợ.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên của Công ty P, bà Phan Thị Thanh T1 đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (để đảm bảo cho nghĩa vụ của người khác) số 45.15.282.2142589.BĐ ngày 15/4/2015 thế chấp các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương với Ngân hàng TMCP Q (Chi nhánh Đ). Hợp đồng thế chấp được Phòng Công chứng số 1, tỉnh Bình Dương chứng nhận số 2448 ngày 16/4/2015 và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 16/4/2015 theo đúng quy định của pháp luật. Các tài sản thế chấp gồm:

* Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất Lô B1-Ô 59, tờ bản đồ số 17, khu dân cư C, Tổ 59, Khu phố 10, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH00446 do Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/6/2010 cho bà Phan Thị Thanh T1.

* Tài sản 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 26, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH01708 do Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/11/2011 cho bà Phan Thị Thanh T1.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Q đã giải ngân số tiền 3.500.000.000đồng cho Công ty P theo Khế ước nhận nợ số LD1510703423 ngày 17/4/2015. Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, Công ty P vi phạm nghĩa vụ vay vốn quy định trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết và phát sinh nợ xấu

tại Ngân hàng Q. Ngân hàng Q cũng đã nhiều lần gặp gỡ, trao đổi, thông báo làm việc với Công ty P và bà Phan Thị Thanh T1 về khoản nợ vay nêu trên nhưng các bên liên quan vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do vậy, Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu Công ty P thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 02/02/2018 như sau:

- Nợ gốc : 2.888.648.046 đồng
- Nợ lãi quá hạn : 1.048.894.544 đồng

Tổng cộng là : 3.937.542.590 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Phan Thị Thanh T1 đã hợp tác và được Ngân hàng Q đồng ý cho nộp tiền giải chấp tài sản đảm bảo tại Ngân hàng Q ngày 28/12/2018 với tổng số tiền là 3.400.000.000đồng, trong đó trả tiền gốc là 2.888.648.046đồng, trả tiền lãi là 511.351.954đồng.

Tính đến ngày 28/12/2018, Công ty P đã thanh toán được 611.351.954đồng tiền nợ gốc và 284.462.498đồng tiền lãi cho Ngân hàng Q và còn nợ Ngân hàng Q tổng số tiền là 4.317.946.517đồng, trong đó nợ gốc là 2.888.648.046đồng, nợ lãi là 1.429.298.417đồng.

Sau khi chủ sở hữu tài sản đảm bảo là bà Phan Thị Thanh T1 thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh, Công ty P còn nợ Ngân hàng Q tổng số tiền lãi là 917.946.517đồng. Ngân hàng Q yêu cầu Công ty P tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng Q tổng số tiền lãi là 917.946.517đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng Q không yêu cầu Công ty P thanh toán tiền lãi chậm thi hành án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận tham gia trong một phiên tòa khác. Trong Đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút phần yêu cầu bị đơn trả phạt chậm trả lãi với số tiền 676.181đồng và yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ nợ lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền là 917.270.336đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là Công ty P có ông Hồ Thành Đ1 là người đại diện hợp pháp trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Công ty P xác nhận có ký kết Hợp đồng tín dụng số 24.15.282.2142589.TD ngày 15/4/2015 với Ngân hàng Q (Chi nhánh Đ) như lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Q đã giải ngân số tiền 3.500.000.000đồng cho Công ty P theo Khế ước nhận nợ số LD1510703423 ngày 17/4/2015. Công ty P cũng xác nhận về việc bà Phan Thị Thanh T1 dùng hai tài sản của mình thế chấp cho Ngân hàng Q để đảm bảo khoản vay nêu trên cho Công ty P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (để đảm bảo cho nghĩa vụ của người khác) số 45.15.282.2142589.BĐ ngày 15/4/2015 như lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Phan Thị Thanh T1 đã hợp tác với Ngân hàng Q và được Ngân hàng giải chấp tài sản đảm bảo ngày 28/12/2018 với tổng số tiền là 3.400.000.000đồng, trong đó trả tiền gốc là 2.888.648.046đồng, trả tiền lãi là 511.351.954đồng.

Thực tế, Công ty P vay khoản tiền 3.500.000.000đồng để thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH Q1 (sau đây viết tắt là Công ty Q1) nhưng Công ty Q1 không giao hàng cho Công ty P. Quá trình làm việc với Công ty Q1, Công ty P được biết sự việc Công ty Q1 không giao hàng cho Công ty P là do Công ty Q1 cho bà T1 vay lại một nửa của số tiền 3.500.000.000đồng từ Ngân hàng Q nên không có tiền mua hàng để giao cho Công ty P. Sau đó, ba bên là ông Phạm Hồng P (đại diện của Công ty Q1), Công ty P và bà T1 cùng nhau làm việc và thỏa thuận thống nhất bà T1 có trách nhiệm trả nợ gốc 3.500.000.000đồng và tiền lãi cho Ngân hàng, còn ông Phạm Hồng P có nghĩa vụ trả hết tiền còn thiếu cho bà T1. Năm 2017, do ông Phạm Hồng P không trả nợ cho bà T1 như đã hứa nên bà T1 đã làm đơn tố cáo ông Phạm Hồng P ra Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương. Tại cơ quan điều tra, ông Phạm Hồng P xác nhận nợ giữa bà T1 và ông P, ông Phạm Hồng P xin bà T1 trả nợ dần và bà T1 đã đồng ý, đồng thời giữa bà T1 và ông P có tái xác nhận là bà T1 trả nợ cho Ngân hàng còn ông Phạm Hồng P trả nợ cho bà T1.

Do vậy, đối với khoản nợ lãi 917.946.517đồng mà Ngân hàng Q yêu cầu, Công ty P đồng ý trả 100.000.000đồng, phần nợ lãi còn lại là 817.946.517đồng thì ông Phạm Hồng P và bà Phan Thị Thanh T1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng như đã cam kết tại Cơ quan điều tra tỉnh Bình Dương. Nếu Ngân hàng Q không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện hợp pháp của bị đơn không đồng ý trả cho Ngân hàng Q số tiền lãi 100.000.000đồng như đã trình bày tại bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 2299/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Q:

Công ty P phải thanh toán cho Ngân hàng Q tổng số tiền lãi còn nợ của Hợp đồng cấp tín dụng số 24.15.282.2142589.TD ngày 15/4/2015 là 917.270.336đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Q không yêu cầu Công ty P thanh toán tiền lãi chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/12/2019, bị đơn là Công ty P có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản bản án sơ thẩm với lý do bản án sơ thẩm chưa thấu tình đạt lý, gây thiệt hại cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là Công ty P có ông Lê Anh Đ là đại diện hợp pháp trình bày:

Công ty P giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại bản án sơ thẩm và không bổ sung tài liệu, chứng cứ mới nào khác.

Công ty P kháng cáo ngoài lý do đã trình bày tại bản án sơ thẩm, còn bổ sung lý do về việc bà Phan Thị Thanh T1 và Ngân hàng Q tự thỏa thuận chấm dứt bảo lãnh đã vi phạm quyền lợi của bên được bảo lãnh là Công ty P và vi phạm các quy định hợp đồng thế chấp mà bà Phan Thị Thanh T1 và Ngân hàng Q đã ký với nhau, cụ thể là tại Điều 2.2 Hợp đồng thế chấp ngày 15/4/2015 có quy định là nghĩa vụ được đảm bảo theo hợp đồng bao gồm nghĩa vụ thanh toán, trả nợ gốc, trả nợ lãi, các chi phí.

Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không còn đưa bà T1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có vi phạm về mặt tố tụng.

Về cách tính số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, Công ty P thống nhất số tiền lãi còn lại theo hợp đồng là 917.270.336đồng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, Công ty P không đồng ý trả số tiền lãi còn lại cho Ngân hàng Q, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn là Ngân hàng Q có ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty P là bên thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền vay theo hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Do Công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Công ty P. Hợp đồng thế chấp giữa bên thế chấp là bà Phan Thị Thanh T1 với Ngân hàng đã thỏa thuận giải quyết xong là phù hợp quy định pháp luật.

Ngân hàng Q xác định không có thỏa thuận nào khác với Công ty P, bà T1 về việc chuyển nghĩa vụ trả nợ giữa bà T1 với bên thứ ba là ông Phạm Hồng P như lời trình bày của bị đơn.

Do vậy, Ngân hàng Q yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng:

Quá trình từ thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng, đương sự đã chấp hành đúng pháp luật và có ủy quyền hợp lệ theo các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của đương sự phù hợp và trong thời hạn kháng cáo.

Về nội dung:

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để được chấp nhận.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn và thủ tục kháng cáo của đương sự hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định:

Ngân hàng Q cho Công ty P vay số tiền 3.500.000.000đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số 24.15.282.2142589.TD và Khế ước nhận nợ số LD1510703423 ngày 17/04/2015.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (để đảm bảo cho nghĩa vụ của người khác) số 45.15.282.2142589.BĐ ngày 15/4/2015 giữa bà Phan Thị Thanh T1 với Ngân hàng Q (Chi nhánh Đ).

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Thanh T1 đã trả cho Ngân hàng 3.400.000.000đồng. Đồng thời, Ngân hàng Q thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp giữa bà Phan Thị Thanh T1 với Ngân hàng Q (Chi nhánh Đ), không yêu cầu đối với tiền lãi phạt do chậm trả lãi mà chỉ còn yêu cầu Công ty P trả số tiền lãi 917.270.336đồng còn lại phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng số 24.15.282.2142589.TD và Khế ước nhận nợ số LD1510703423 ngày 17/04/2015 giữa Ngân hàng Q và Công ty P.

Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty P, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Xét ý kiến kháng cáo của Công ty P về việc thỏa thuận chuyển nghĩa vụ thanh toán giữa Công ty P với Công ty Q1 và bà Phan Thị Thanh T1 theo lời trình bày của Công ty P, nếu có cũng là thỏa thuận độc lập với quan hệ tín dụng giữa Ngân hàng Q với Công ty P và bà Phan Thị Thanh T1. Phần khác, Công ty P cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh giữa Ngân hàng Q, Công ty P và bà Phan Thị Thanh T1 có thỏa thuận về việc bà Phan Thị Thanh T1 có trách nhiệm trả nợ gốc và tiền lãi như lời trình bày của phía Công ty P.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Q và bên thế chấp là bà Phan Thị Thanh T1 đã thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với quy định tại Điều 355, Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Ngân hàng không còn yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp nên bà T1 không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không còn đưa bà T1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở.

Công ty P vay của Ngân hàng Q theo Hợp đồng cấp tín dụng số 24.15.282.2142589.TD và Khế ước nhận nợ số LD1510703423 ngày 17/4/2015 nên Công ty P phải có nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong hợp đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty P thống nhất số tiền lãi còn lại phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 24.15.282.2142589.TD và Khế ước nhận nợ số LD1510703423 ngày 17/04/2015 giữa Ngân hàng Q và Công ty P là 917.270.336đồng nhưng yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ pháp lý.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty P phải thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền lãi còn lại là 917.270.336đồng phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng số 24.15.282.2142589 ngày 15/4/2015 là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên theo hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngoài ra, Ngân hàng Q không yêu cầu Công ty P trả tiền lãi trên số tiền phải thanh toán do chậm thi hành án là tự nguyện.

Với nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm như yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí:

Công ty P chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26,29 và 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 355, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ trang trí nội thất P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền lãi còn nợ của Hợp đồng cấp tín dụng số 24.15.282.2142589.TD ngày 15/4/2015 tổng cộng là 917.270.336đồng (chín trăm mười bảy triệu hai trăm bảy mươi ngàn ba trăm ba mươi sáu đồng).

Ngân hàng TMCP Q không yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ trang trí nội thất P thanh toán tiền lãi chậm thi hành án.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ trang trí nội thất P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 39.518.110đồng (ba mươi chín triệu năm trăm mười tám ngàn một trăm mười đồng).

Ngân hàng TMCP Q được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 55.375.000đồng (năm mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số 0004120 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ trang trí nội thất P phải chịu 2.000.000đồng (hai triệu đồng), được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000đồng theo biên lai thu số 0017425 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phong